

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định áp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 575/TTr-SNN ngày 30 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định áp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Bổ sung mới Khoản 11, Điều 4. Nguyên tắc xác định giá và áp dụng bảng đơn giá bồi thường với nội dung như sau:

“11. Bảng đơn giá bồi thường cây được liệu quy định tại Phụ lục số 8:

a) Áp dụng 100% đơn giá bồi thường đối với cây được liệu thuộc một trong các điều kiện sau: Trồng phù hợp với vùng sinh thái quy định tại Phụ lục 08; trồng trong vùng quy hoạch hoặc thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các trường hợp khác được bồi thường bằng 80% giá bồi thường của loại cây được liệu cùng loại có trong Bảng đơn giá.”

c) Đơn giá tính bồi thường quy định tại Phụ lục số 08 tính như sau:

- Trồng theo mật độ quy định thì đơn giá tính theo diện tích;
- Trồng dưới mật độ quy định thì đơn giá tính theo cây, khóm.”

2. Bổ sung pháp danh khoa học đối với các cây trồng tại Phụ lục số 03 như sau:

I. Cây Quế: *Cinnamomum casia*

II. Cây Sơn tra: *Crataegus cuneata*

III. Cây Cọ: *Livistona chinensis*

IV. Cây Sơn: *Toxicodendron succedanea*

V. Cây Gió Bầu (Trâm hương): *Aquilaria crassna*

VI. Cây Trám đen: *Canarium tramdenum*

VII. Cây Trám trắng: *Canarium album*

VIII. Cây Trầu (Trầu ta, Trầu nhẵn): *Vernicia montana*

IX. Cây Dẻ ăn quả: *Castanea mollissima*

X. Cây thảo quả, Sa nhân:

1. Cây Thảo quả: *Amomum tsaoko*

2. Cây Sa nhân: *Amomum villosum* hoặc *Amomum longiligulare*

XI. Cây Chàm nhuộm vải: *Strobilanthes cusia*”

3. Sửa đổi, bổ sung Bảng đơn giá bồi thường một số cây dược liệu tại Phụ lục 08 như sau:

STT	Tiêu chí từng loại cây	Đơn giá		Quy định về mật độ	Quy định về vùng sinh thái
		Tính theo diện tích (đồng/m ²)	Tính theo số lượng (đồng/cây, khóm)		
1	Cây Atisô (Pháp danh khoa học: <i>Cynara scolymus</i>)			≥27.000 cây/ha	Các huyện: Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Si Ma Cai, Mường Khương (nơi có độ cao tuyệt đối trên 800 m theo bản đồ địa hình VN 2000)
-	Mới trồng chưa cho thu hoạch	2.500	900		
-	Đang cho thu hoạch	9.500	3.500		
2	Lão Quan Thảo (Pháp danh khoa học:			≥45.000 cây/ha	Các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Mường

	<i>Geranium thunbergii</i>				Khuông, Sĩ Ma Cai (nơi có độ cao tuyệt đối trên 1.000 m theo bản đồ địa hình VN 2000)
-	Trồng đến sắp thu hoạch	3.200	700		
3	Gấu tầu (Áu tầu), (Pháp danh khoa học: <i>Aconitum fortunei</i>)			≥ 40.000 cây/ha	Các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Sĩ Ma Cai (nơi có độ cao tuyệt đối trên 800 m theo bản đồ địa hình VN2000)
-	Trồng đến sắp thu hoạch	4.600	1.200		
4	Cây ngũ gia bì (Pháp danh khoa học: <i>Schefflera octophylla</i>)			≥ 20.000 cây/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Trồng đến sắp thu hoạch	1.500	800		
5	Xuyên khung (Pháp danh khoa học: <i>Ligusticum wallichii</i>)			≥ 30.000 cây/ha	Các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Sĩ Ma Cai (nơi có độ cao tuyệt đối trên 800 m theo bản đồ địa hình VN 2000)
-	Trồng đến sắp thu hoạch	6.000	2.000		
6	Vân mộc hương (Pháp danh khoa học: <i>Saussurea costus</i>)			≥ 22.000 cây/ha	Các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Sĩ Ma Cai (nơi có độ cao tuyệt đối trên 600 m theo bản đồ địa hình VN 2000)
-	Trồng đến sắp thu hoạch	4.700	2.100		
7	Cây Đương quy (Pháp danh khoa học: <i>Angelica sinensis</i>)			≥ 30.000 cây/ha	Các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Sĩ Ma Cai (nơi có độ cao tuyệt đối trên 800 m theo bản đồ địa hình VN 2000)
-	Trồng đến sắp thu hoạch	6.200	2.100		
8	Bạch truật (Pháp danh khoa học: <i>Actractylodes macrocephala</i>)			≥ 35.000 cây/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Trồng đến sắp thu hoạch	8.900	2.500		
9	Cây xả (Pháp danh khoa học: <i>Cymbopogon citrates</i>)			≥ 30.000 khóm/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Trồng đến sắp thu hoạch	3.300	1.100		
10	Cây Đỗ trọng (Pháp danh khoa học: <i>Eucommia ulmoides</i>)				Các huyện: Bát Xát, Sĩ Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa (nơi có độ cao tuyệt đối trên 700 m theo bản đồ VN 2000)
-	Cây dưới 1 năm		10.400		

-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm		32.500		
-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm		97.500		
-	Từ 3 năm trở lên nhưng chưa cho thu hoạch		130.000		
11	Cây Tam Thất (Tam thất bắc), (Pháp danh khoa học: <i>Radix pseudoginseng</i>)			≥ 120.000 gốc/ha	Các huyện: Sĩ Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bát Xát (nơi có độ cao tuyệt đối trên 1.200 m theo bản đồ địa hình VN 2000)
-	Cây trồng dưới 1 năm	30.000	2.500		
-	Từ 1 năm trở lên nhưng chưa cho thu hoạch	32.000	2.600		
12	Cây Y dĩ (Pháp danh khoa học: <i>Coix chinensis</i>)			≥ 20.000 cây/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Trồng dưới 4 tháng	1.100	500		
-	Từ 4 tháng đến sắp thu hoạch	2.300	1.100		
13.	Cây Tam thất gừng (Tam thất nam), (Pháp danh khoa học: <i>Stahlianthus thorelii</i>):			≥ 40.000 khóm/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Cây mới trồng đến dưới 3 tháng tuổi	6.300	1.500		
-	Cây từ 3 tháng trở lên nhưng chưa cho thu hoạch	7.600	1.900		
14.	Cây Atisô đỏ (Bụp dấm), (Pháp danh khoa học: <i>Hibiscus sabdariffa</i>) :			≥ 12.000 cây/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Cây dưới 3 tháng tuổi	3.000	2.500		
-	Cây từ 3 tháng đến dưới 6 tháng	4.500	3.700		
15.	Cây Đinh năng (Pháp danh khoa học: <i>Polyscias fruticosa</i>)			≥ 16.000 cây/ha	Các huyện trong tỉnh
-	Cây dưới 6 tháng tuổi	4.500	2.800		
-	Cây từ 6 tháng đến dưới 1 năm	8.500	5.300		
-	Cây trên 1 năm tuổi	10.000	6.200		

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án, công trình đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, đã chi trả tiền bồi thường xong hoặc đã chi trả một phần tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thù sản trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không áp dụng theo Quy định này.

2. Đối với trường hợp dự án, công trình thu hồi đất đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án bồi thường hoặc đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường nhưng chưa trả tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thù sản tại thời điểm quyết định này có hiệu lực, thì được điều chỉnh những nội dung có liên quan theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *cs*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Các Bộ: NN&PTNT, TC, TN&MT;
 - TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, ĐBQH tỉnh;
 - Cục Kiểm tra VB QPPL- Bộ Tư pháp;
 - Như Điều 4 QĐ;
 - Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh; các đoàn thể của tỉnh;
 - HĐND thành phố Lào Cai;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Báo Lào Cai, Đài PT-TH tỉnh;
 - Công báo tỉnh Lào Cai;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, TH_{lưu}, QLĐT, NLN, TNMT.
- lưu*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong